



**TON DONG A**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II/2022**

THÁNG 7 NĂM 2022



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.899.763.942.746</b>	<b>9.281.096.575.225</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>358.517.999.542</b>	<b>544.359.213.855</b>
Tiền	111		324.417.999.542	534.359.213.855
Các khoản tương đương tiền	112		34.100.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>1.998.767.471.012</b>	<b>1.625.388.572.810</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.998.767.471.012	1.625.388.572.810
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.384.675.848.030</b>	<b>2.519.798.372.050</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.529.481.908.907	2.483.985.081.194
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.017.206.016	3.912.099.028
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		865.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	22.623.597.775	32.587.198.050
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.3	(40.446.864.668)	(3.686.006.222)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.663.672.827.533</b>	<b>4.427.016.921.200</b>
Hàng tồn kho	141	V.6	5.740.127.643.852	4.434.799.955.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149	V.6	(76.454.816.319)	(7.783.034.076)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>494.129.796.629</b>	<b>164.533.495.310</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	22.838.675.003	20.090.591.278
Tnuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.14	470.622.547.194	143.668.166.502
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	668.574.432	774.737.530



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.051.470.267.256</b>	<b>3.367.017.393.491</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.263.516.839</b>	<b>4.866.634.839</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	5.257.081.839	4.860.199.839
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.677.251.271.790</b>	<b>2.834.481.743.681</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	V.8	<b>2.503.476.266.088</b>	<b>2.653.239.549.657</b>
- Nguyên giá	222		4.546.320.540.464	4.522.858.473.234
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.042.844.274.376)	(1.869.618.923.577)
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	V.9	<b>51.240.326.796</b>	<b>60.790.524.962</b>
- Nguyên giá	225		59.265.717.249	71.066.232.074
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(8.025.390.453)	(10.275.707.112)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	V.10	<b>122.534.678.906</b>	<b>120.451.669.062</b>
- Nguyên giá	228		136.769.024.227	133.446.924.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(14.234.345.321)	(12.995.255.165)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.11	<b>9.621.264.233</b>	<b>3.106.220.920</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.621.264.233	3.106.220.920
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>50.640.000.000</b>	<b>199.640.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		50.640.000.000	199.640.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>308.694.214.394</b>	<b>324.922.794.051</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	306.827.252.369	320.043.014.552
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.866.962.025	4.879.779.499
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>14.951.234.210.002</b>	<b>12.648.113.968.716</b>



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.822.612.606.453</b>	<b>9.196.195.607.377</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.714.835.528.756</b>	<b>8.745.065.889.510</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.290.122.606.002	2.351.948.262.818
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	37.284.724.282	58.613.953.961
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	176.850.404.788	108.732.468.433
Phải trả người lao động	314		24.907.116.066	37.664.949.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.376.109.479	6.448.994.814
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.411.000.827.965	2.336.109.350.656
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	5.702.433.313.459	3.827.537.623.323
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.860.426.715	18.010.286.067
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>107.777.077.697</b>	<b>451.129.717.867</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	52.091.413.735	451.129.717.867
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.17	55.685.663.962	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.128.621.603.549</b>	<b>3.451.918.361.339</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>4.128.621.603.549</b>	<b>3.451.918.361.339</b>
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>		<b>1.146.915.100.000</b>	<b>1.023.228.290.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.478.077.483	464.371.374.500
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>2.141.865.845.594</b>	<b>1.958.956.116.367</b>
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		1.853.027.215.752	749.147.894.987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		288.838.629.842	1.209.808.221.380
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>14.951.234.210.002</b>	<b>12.648.113.968.716</b>

Bình Dương, Ngày 25 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TONDONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN  
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý II năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	6.766.475.351.009	5.637.428.276.667	13.106.064.172.119	10.173.798.250.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		5.350.738.745	23.591.052.271	30.741.420.522	27.711.287.110
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.761.124.612.264	5.613.837.224.396	13.075.322.751.597	10.146.086.963.777
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.980.796.846.401	4.861.653.785.524	11.753.830.794.879	9.006.450.879.470
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		780.327.765.863	752.183.438.872	1.321.491.956.718	1.139.636.084.307
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	86.835.620.719	39.027.417.870	179.755.239.667	67.901.736.647
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	157.073.901.408	50.125.240.792	230.428.431.304	91.789.853.446
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.369.343.628	44.914.392.120	115.113.191.733	83.332.556.068
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	547.305.441.025	196.896.922.403	828.119.864.101	327.126.806.956
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	60.769.086.975	24.203.358.522	85.869.076.738	49.984.697.715
10. Lợi nhuận thuần (lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		102.014.957.174	519.985.335.025	356.829.824.242	738.636.462.837
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.356.966.689	20.961.274.929	6.595.225.519	24.147.304.188
12. Chi phí khác	32	VI.6	10.379.143	314.422.530	265.012.605	1.351.851.110
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.346.587.546	20.646.852.399	6.330.212.914	22.795.453.078
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		106.361.544.720	540.632.187.424	363.160.037.156	761.431.915.915
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	22.789.411.541	110.386.622.668	71.308.589.840	147.227.300.683
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(707.072.647)	(3.686.949.346)	3.012.817.474	(3.393.279.916)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		84.279.205.826	433.932.514.102	288.838.629.842	617.597.895.148

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân



Ngày 25 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 06 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	06 THÁNG NĂM 2022	06 THÁNG NĂM 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>363.160.037.156</b>	<b>761.431.915.915</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn	2	172.214.124.296	169.766.352.221
Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng	3	105.432.640.689	(229.819.487)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	46.205.334.217	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(63.890.735.349)	(23.903.625.156)
Chi phí lãi vay	6	115.113.191.733	83.332.556.068
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>738.234.592.742</b>	<b>990.397.379.561</b>
Giảm (tăng) các khoản phải thu	9	(306.698.858.077)	104.854.594.560
Tăng (giảm) hàng tồn kho	10	(1.305.327.688.572)	(2.170.961.488.744)
Tăng các khoản phải trả	11	(16.293.809.535)	1.509.716.293.591
Giảm (tăng) chi phí trả trước	12	10.467.678.458	11.423.553.959
Tiền lãi vay đã trả	14	(112.215.220.367)	(90.143.960.322)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.707.853.448)	(42.290.173.071)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(56.651.820.270)	(23.569.258.008)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.116.192.979.069)</b>	<b>289.426.941.526</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(21.498.695.718)	(23.880.283.569)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	-	13.245.681.287
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu	23	(3.237.651.116.032)	(1.801.740.000.000)
Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	2.151.272.217.830	679.508.909.967
Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được	27	63.890.735.349	23.298.332.416
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.043.986.858.571)</b>	<b>(1.109.567.359.899)</b>



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
06 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	06 THÁNG NĂM 2022	06 THÁNG NĂM 2021
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	494.747.240.000	21.335.350.000
Tiền thu từ đi vay	33	10.266.317.856.280	6.948.301.341.031
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.776.824.718.850)	(5.904.622.068.958)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(10.001.028.061)	(8.532.704.021)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(168.071.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.974.239.349.369	888.410.208.052
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(185.940.488.271)	68.269.789.679
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	544.359.213.855	378.657.564.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	99.273.958	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	358.517.999.542	446.927.354.153

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 25 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất sắt, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

**3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.****4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và Tầng M, Lô 52-53 Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có bốn (4) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100





CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa để bán lại - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DNHN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**5. Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Di An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****QUÝ II NĂM 2022**

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**11. Các khoản đầu tư****Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư**

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**13. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

**14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022**

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

**Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**16. Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**17. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

**Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**18. Thuế****Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)**

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****QUÝ II NĂM 2022**

thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết

định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN DÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Di An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	305.379.761	275.126.697
Tiền gửi ngân hàng	323.676.857.788	534.084.087.158
Tiền đang chuyển	435.761.993	-
Các khoản tương đương tiền (*)	34.100.000.000	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>358.517.999.542</b>	<b>544.359.213.855</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng

**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn	1.453.367.320.544	1.215.389.000.000
Trái phiếu	545.400.150.468	409.999.572.810
<b>CỘNG</b>	<b>1.998.767.471.012</b>	<b>1.625.388.572.810</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn</b>		
Trái phiếu	50.640.000.000	199.640.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>50.640.000.000</b>	<b>199.640.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.049.407.471.012</b>	<b>1.825.028.572.810</b>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Phải thu từ khách hàng trong nước	1.041.296.459.107	679.461.811.888
Phải thu từ khách hàng nước ngoài	1.488.185.449.800	1.804.523.269.306
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.529.481.908.907</b>	<b>2.483.985.081.194</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(40.446.864.668)	(3.686.006.222)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>2.489.035.044.239</b>	<b>2.480.299.074.972</b>

(\*) Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KỀM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>NGẮN HẠN</b>		
Nhà cung cấp trong nước	8.007.415.714	3.359.262.923
Nhà cung cấp nước ngoài	9.790.302	552.836.105
<b>CỘNG</b>	<u>8.017.206.016</u>	<u>3.912.099.028</u>
<b>DÀI HẠN</b>		
Nhà cung cấp trong nước	6.435.000	6.435.000
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
<b>CỘNG</b>	<u>6.435.000</u>	<u>6.435.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>8.023.641.016</u></u>	<u><u>3.918.534.028</u></u>

**5. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	4.270.746.000	23.179.137.499
Phải thu chi hộ	6.969.081.106	5.284.220.298
Khác	11.383.770.669	4.123.840.253
<b>CỘNG</b>	<u>22.623.597.775</u>	<u>32.587.198.050</u>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	5.257.081.839	4.860.199.839
<b>CỘNG</b>	<u>5.257.081.839</u>	<u>4.860.199.839</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>27.880.679.614</u></u>	<u><u>37.447.397.889</u></u>





TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**QUÝ II NĂM 2022****6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm	3.189.720.330.479	2.439.163.475.750
Nguyên liệu, vật liệu	1.357.734.154.569	932.342.153.557
Hàng đang đi trên đường	1.143.077.730.589	967.376.000.446
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.150.534.547	44.980.566.686
Công cụ, dụng cụ	3.447.903.530	7.083.600.039
Hàng hoá	996.990.138	43.854.158.798
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.740.127.643.852</b>	<b>4.434.799.955.276</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<b>(76.454.816.319)</b>	<b>(7.783.034.076)</b>
<b>Giá trị thuần</b>	<b>5.663.672.827.533</b>	<b>4.427.016.921.200</b>

(\*) Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>7.783.034.076</b>	<b>229.819.487</b>
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	<b>75.268.731.859</b>	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<b>(6.596.949.616)</b>	<b>(229.819.487)</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>76.454.816.319</b>	<b>0</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.838.675.003</b>	<b>20.090.591.278</b>
Công cụ, dụng cụ đang dùng	15.276.856.055	14.157.268.292
Chi phí quảng cáo	2.775.658.281	1.618.907.789
Khác	4.786.160.667	4.314.415.197
<b>Dài hạn</b>	<b>306.827.252.369</b>	<b>320.043.014.552</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	209.633.192.023	212.847.099.673
Công cụ, dụng cụ đang dùng	49.716.601.269	52.226.764.563
Chi phí quảng cáo	32.607.134.854	41.347.988.845
Chi phí bảo trì bảo dưỡng	10.082.013.748	8.666.766.573
Khác	4.788.310.475	4.954.394.898
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>329.665.927.372</b>	<b>340.133.605.830</b>

(\*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	798.949.965.442	3.500.193.537.500	206.299.949.188	17.068.137.479	346.883.625	4.522.858.473.234
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Mua trong năm	78.396.000	3.151.897.537	1.572.030.000	46.749.500	36.444.188	4.885.517.225
Tăng nguyên giá	-	-	-	-	-	-
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	1.714.050.000	16.862.500.005	-	-	18.576.550.005
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	-	-	-	-
Giảm nguyên giá	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	799.028.361.442	3.505.059.485.037	224.734.479.193	17.114.886.979	383.327.813	4.546.320.540.464
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	21.491.622.692	298.152.972.943	11.318.641.025	10.468.348.068	-	341.431.584.728
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	174.420.691.989	1.585.313.945.961	95.885.619.226	13.859.912.953	138.753.448	1.869.618.923.577
Khấu hao trong năm	18.639.858.082	135.919.942.019	11.913.592.542	606.680.454	18.558.988	167.098.632.085
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	505.885.479	5.620.833.235	-	-	6.126.718.714
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	193.060.550.071	1.721.739.773.459	113.420.045.003	14.466.593.407	157.312.436	2.042.844.274.376
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	624.529.273.453	1.914.879.591.539	110.414.329.962	3.208.224.526	208.130.177	2.653.239.549.657
Tại ngày 30/06/2022	605.967.811.371	1.783.319.711.578	111.314.434.190	2.648.293.572	226.015.377	2.503.476.266.088



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DNHN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	3.620.400.000	67.445.832.074	71.066.232.074
Mua trong năm	-	6.757.385.180	6.757.385.180
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(1.695.400.000)	(16.862.500.005)	(18.557.900.005)
Giảm nguyên giá	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	1.925.000.000	57.340.717.249	59.265.717.249
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	813.841.974	9.461.865.138	10.275.707.112
Khấu hao trong năm	152.763.334	3.723.638.721	3.876.402.055
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(505.885.479)	(5.620.833.235)	(6.126.718.714)
Tại ngày 30/06/2022	460.719.829	7.564.670.624	8.025.390.453
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	2.806.558.026	57.983.966.936	60.790.524.962
Tại ngày 30/06/2022	1.464.280.171	49.776.046.625	51.240.326.796

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	16.592.924.227	133.446.924.227
Mua mới	672.300.000	2.649.800.000	3.322.100.000
Tại ngày 30/06/2022	117.526.300.000	19.242.724.227	136.769.024.227
<b>Trong đó:</b>			
Đã khấu hao hết	-	181.088.456	181.088.456
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	-	12.995.255.165	12.995.255.165
Hao mòn trong năm	-	1.239.090.156	1.239.090.156
Tại ngày 30/06/2022	-	14.234.345.321	14.234.345.321
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	3.597.669.062	120.451.669.062
Tại ngày 30/06/2022	117.526.300.000	5.008.378.906	122.534.678.906



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm tài sản	9.591.891.833	54.399.000
Khác	29.372.400	3.051.821.920
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.621.264.233</b>	<b>3.106.220.920</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>NGẮN HẠN</b>		
Nhà cung cấp trong nước	2.069.576.904.380	1.734.612.867.866
Nhà cung cấp nước ngoài	220.545.701.622	608.207.394.952
Phải trả cho các bên liên quan	-	9.128.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.290.122.606.002</b>	<b>2.351.948.262.818</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Người mua trả tiền trước trong nước	7.190.167.802	30.846.144.876
Người mua trả tiền trước nước ngoài	30.094.556.480	27.767.809.085
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.284.724.282</b>	<b>58.613.953.961</b>



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Di An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND Số dư tại ngày 30/06/2022
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.717.530	-	106.163.098	661.554.432
Thuế giá trị gia tăng	143.668.166.502	1.439.865.288.826	1.112.910.908.134	470.622.547.194
Khác	7.020.000	-	-	7.020.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.442.904.032</b>	<b>1.439.865.288.826</b>	<b>1.113.017.071.232</b>	<b>471.291.121.626</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.707.853.445	71.202.438.460	67.707.865.165	71.202.426.740
Thuế giá trị gia tăng	39.397.961.093	1.228.782.300.209	1.163.796.476.545	104.383.784.760
Thuế thu nhập cá nhân	1.396.171.831	16.358.042.513	16.519.661.056	1.234.553.288
Thuế bảo vệ môi trường	-	236.800.000	207.200.000	29.600.000
Thuế nhập khẩu	206.825.486	847.096.573	1.053.922.059	-
Khác	23.656.578	3.419.566.320	3.443.182.898	40.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.732.468.433</b>	<b>1.320.846.244.075</b>	<b>1.252.728.307.723</b>	<b>176.850.404.788</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>NGẮN HẠN</b>		
UPAS L/C (*)	2.381.028.597.878	1.965.096.402.967
Chiết khấu bộ chứng từ (**)	-	368.152.785.550
Quảng cáo	1.593.833.908	938.102.030
Khác	28.378.396.179	1.922.060.109
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.411.000.827.965</b>	<b>2.336.109.350.656</b>

(\*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

(\*\*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc bán hàng hóa và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức chiết khấu thanh toán trước được phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngân hàng	5.659.564.629.036	3.226.726.806.906
Vay bên liên quan	5.069.340.000	
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	2.791.012.848	293.828.324.797
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000	237.096.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	11.408.331.575	14.200.827.658
Trái phiếu chuyển đổi ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	-	55.685.663.962
<b>CỘNG</b>	<b>5.702.433.313.459</b>	<b>3.827.537.623.323</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay ngân hàng	22.793.271.664	383.615.243.818
Nợ thuê tài chính	29.298.142.071	29.214.474.049
Vay các bên liên quan	-	38.300.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>52.091.413.735</b>	<b>451.129.717.867</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.754.524.727.194</b>	<b>4.278.667.341.190</b>



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022**

	30/06/2022		01/01/2022	
	VND	USD	VND	USD
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>5.702.433.313.459</b>	<b>144.356.396</b>	<b>3.771.851.959.361</b>	<b>18.299.000</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</i>	2.276.352.882.562		2.806.683.691.906	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	1.109.132.987.521		1.570.766.515.435	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		1.227.021.913.796	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	347.012.873.772		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	545.443.655.552		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đông Đồng Nai	-		4.895.262.675	
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	142.800.654.916		-	
Ngân Hàng United Overseas - CN HCM	131.962.710.801		4.000.000.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</i>	3.383.211.746.468	144.356.396	420.043.115.000	18.299.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	1.108.484.604.137	47.189.638	-	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	2.024.894.770.000	86.497.000	264.131.840.000	11.504.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	249.832.372.331	10.669.758	-	-
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	-	-	155.911.275.000	6.795.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	2.791.012.848		293.828.324.797	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	-		155.253.058.017	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	2.791.012.848		4.375.266.780	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		134.200.000.000	
<i>Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả và ngắn hạn</i>	28.669.340.000		237.096.000.000	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	5.069.340.000		237.096.000.000	
Bà Nguyễn Thị Phương Loan	23.600.000.000		-	
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	11.408.331.575		14.200.827.658	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Challease	10.909.331.567		13.468.710.150	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-		233.117.500	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	499.000.008		499.000.008	
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>52.091.413.735</b>		<b>451.129.717.867</b>	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	22.793.271.664		383.615.243.818	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	-		169.297.959.958	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		191.524.012.196	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	22.793.271.664		22.793.271.664	
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	29.298.142.071		29.214.474.049	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Challease	28.632.808.759		28.299.640.733	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	665.333.312		914.833.316	
<i>Vay dài hạn từ các bên liên quan</i>	-		38.300.000.000	
Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-		14.700.000.000	
Lê Thị Phương Loan	-		23.600.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.754.524.727.194</b>	<b>144.356.396</b>	<b>4.222.981.677.228</b>	<b>18.299.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**  
 Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN  
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**QUÝ II NĂM 2022**

**17. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	<i>Thời điểm phát hành</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Số lượng trái phiếu</i>	<i>Mệnh giá</i>	<i>Lãi suất danh nghĩa</i>	<i>Lãi suất chiết khấu</i>	<i>Cấu phần vốn</i>	<i>Cấu phần nợ</i>
	(năm)			(VND)	(%/năm)	(%/năm)	(VND)	(VND)
Số đầu năm và số cuối năm	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN  
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**QUÝ II NĂM 2022**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU.**

**18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm 2021</b>							
Tại ngày 01/01/2021	975.098.260.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	977.929.824.885	2.422.762.039.857
Phát hành cổ phiếu	48.130.030.000	-	-	-	-	-	48.130.030.000
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(194.915.890.000)	(194.915.890.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	617.597.895.148	617.597.895.148
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(33.866.039.898)	(33.866.039.898)
Khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>1.023.228.290.000</b>	<b>464.371.374.500</b>	<b>1.931.977.742</b>	<b>-</b>	<b>3.430.602.730</b>	<b>1.366.745.790.135</b>	<b>2.859.708.035.107</b>
<b>Năm 2022</b>							
Tại ngày 01/01/2022	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.958.956.116.367	3.451.918.361.339
Phát hành cổ phiếu (*)	123.686.810.000	370.106.702.983	-	-	-	-	493.793.512.983
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	288.838.629.842	288.838.629.842
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(100.501.960.914)	(100.501.960.914)
Khác	-	-	-	-	-	(5.426.939.701)	(5.426.939.701)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>1.146.915.100.000</b>	<b>834.478.077.483</b>	<b>1.931.977.742</b>	<b>-</b>	<b>3.430.602.730</b>	<b>2.141.865.845.594</b>	<b>4.128.621.603.549</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Vào ngày 18 tháng 3 năm 2022, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận đã thực hiện chào bán thành công và sự đồng thuận của Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp phép thay đổi lần 16 ngày 08/04/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	06T - 2022 VND	06T - 2021 VND
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	1.023.228.290.000	975.098.260.000
Tăng trong năm	123.686.810.000	48.130.030.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.146.915.100.000</u>	<u>1.023.228.290.000</u>

**18.3 Cổ phiếu**

	30/06/2022 VND Số cổ phiếu	01/01/2022 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	114.691.510	102.322.829



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT  
QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>13.106.064.172.119</b>	<b>10.173.798.250.887</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	12.089.022.218.209	8.398.488.847.258
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	824.338.836.732	1.642.132.225.071
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.341.035.339	10.002.185.007
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	181.362.081.839	123.174.993.551
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>30.741.420.522</b>	<b>27.711.287.110</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	4.608.080.681	12.075.452.129
<i>Giảm giá hàng bán</i>	429.321.889	337.577.480
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	25.704.017.952	15.298.257.501
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>13.075.322.751.597</b>	<b>10.146.086.963.777</b>

**1.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	39.711.467.348	19.405.031.768
Lãi trái phiếu	24.175.790.895	3.853.745.753
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	115.864.504.317	44.603.404.231
Khác	3.477.107	39.554.895
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.755.239.667</b>	<b>67.901.736.647</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn thành phẩm đã bán	10.750.547.050.544	7.481.468.903.362
Giá vốn hàng hóa đã bán	765.102.080.421	1.394.648.831.341
Giá vốn phế liệu	159.353.877.136	109.424.867.698
Giá vốn dịch vụ cung cấp	10.156.004.535	20.908.277.069
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	68.671.782.243	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.753.830.794.879</b>	<b>9.006.450.879.470</b>



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	115.113.191.733	83.332.556.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái khác	87.200.960.226	8.457.297.378
	28.114.279.345	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>230.428.431.304</b>	<b>91.789.853.446</b>

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	724.320.274.235	221.440.441.399
Chi phí lương nhân viên	25.936.472.149	24.820.717.126
Chi phí quảng cáo	35.625.720.678	38.679.903.020
Khác	42.237.397.039	42.185.745.411
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>828.119.864.101</b>	<b>327.126.806.956</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.600.321.845	18.876.348.422
Chi phí nhân viên	24.938.270.070	23.060.351.395
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.394.941.722	5.408.088.453
Khác	39.935.543.101	2.639.909.445
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.869.076.738</b>	<b>49.984.697.715</b>



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.595.225.519</b>	<b>24.147.304.188</b>
Thu nhập từ bán phế liệu	5.665.154.968	5.037.138.780
Thanh lý tài sản cố định	-	605.292.740
Khác	930.070.551	18.504.872.668
<b>Chi phí khác</b>	<b>265.012.605</b>	<b>1.351.851.110</b>
Tiền bồi thường		344.880.474
Tiền phạt thuế	10.348.048	949.033.762
Khác	254.664.557	57.936.874
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>6.330.212.914</b>	<b>22.795.453.078</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:**

	<b>06T - 2022</b>	<b>06T - 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế TNDN	71.308.589.840	145.251.246.791
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	1.976.053.892
Chi phí thuế TNDN hiện hành	71.308.589.840	147.227.300.683
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.012.817.474	(3.393.279.916)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>74.321.407.314</b>	<b>143.834.020.767</b>



TONDONGA

TÔN KỀM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
QUÝ II NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong quý bao gồm

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	294.426.660.000	-
		Vay	47.700.000.000	14.500.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	-
		Vay	-	23.600.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	5.069.340.000	237.096.000.000
<b>Vay dài hạn</b>				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	14.700.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay	23.600.000.000	23.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>23.600.000.000</b>	<b>38.300.000.000</b>

Bình Dương, ngày 25 tháng 07 năm 2022

Người lập  
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ Song Ngọc